

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Diện và ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Quỳnh G, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng D, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

(Anh D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 4 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Quỳnh G trình bày:

Chị và anh D có quá trình tìm hiểu là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh D có 01 con chung là Lê Hoàng Diệp T, sinh ngày 11/7/2018. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con, vì hiện nay con đang còn nhỏ.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Theo lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Lê Hoàng D trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Quỳnh G có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như chị G trình bày. Tuy nhiên, sau khi kết hôn do tính tình không hợp nên thường xảy ra cãi vã, chị G đã bỏ nhà đi từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Nay chị G làm đơn xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như chị G đã trình bày. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con, vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con ở với anh.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Hoàng D; căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị G được ly hôn anh D; căn cứ vào Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị G không có yêu cầu; căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc chị G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị Quỳnh G có đơn yêu cầu ly hôn anh Lê Hoàng D, hiện tại anh D có hộ khẩu thường trú tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Lê Hoàng D, song xét thấy do điều kiện, công việc nên anh D không có mặt để tham gia phiên tòa nên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều khoản 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Hoàng D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh D có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình và chính quyền địa phương cho phép đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2017, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị và G và anh D đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị Quỳnh G, xử cho chị G được ly hôn anh D là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị G và anh D có 01 con chung là Lê Hoàng Diệp T, sinh ngày 11/7/2018. Nếu ly hôn chị G, anh D đều có nguyện vọng xin được nuôi con.

Xét thấy, Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2022, anh D có nguyện vọng xin được nuôi con, vì từ trước đến nay con đều ở với anh. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị G cho rằng từ khi vợ chồng sống ly thân, do chị mới chuyển ra bán hàng, chỗ ở chưa ổn định nên chị gửi con cho bà nội nuôi, hàng tháng chị vẫn chu cấp tiền cho con ăn học, còn anh D hiện không có công ăn việc làm nên không có khả năng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị G và anh D là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay cháu T đang còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị G cũng có công việc ổn định nên có điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị G không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Quỳnh G phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Hoàng D
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Quỳnh G, xử cho chị Hoàng Thị Quỳnh G được ly hôn với anh Lê Hoàng D
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Hoàng Diệp T, sinh ngày 11/7/2018 cho chị Hoàng Thị Quỳnh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị G không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hoàng Thị Quỳnh G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị G đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003395, ngày 01/7/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tướng Thị Hà

